

Bản án số: 29/2020/HNGĐ-ST

Ngày 14 - 02 - 2020

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU.**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Giang Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Ngô Diễm Phúc

Ông Châu Hải Dương

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Ngọc Mai là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau.

Ngày 14 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 567/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn Đ , sinh năm 1988.

Cư trú tại: Ấp Tân Phú, xã Tân T , huyện Đ , tỉnh C . (có mặt)

- *Bị đơn:* Chị Nguyễn Kiều T , sinh năm 1993.

Cư trú tại: Ấp Phú Điền, xã T , huyện Đ , tỉnh C . (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 16/12/2019, trong quá trình giải quyết và xét xử nguyên đơn anh Nguyễn Văn Đ trình bày:*

Về hôn nhân: Anh với chị Nguyễn Kiều T chung sống với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Trung, huyện Đam Dơi, tỉnh Cà Mau. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Từ đó dẫn đến vợ chồng ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay, anh xác định không còn tình cảm với chị Trang nên yêu cầu được ly hôn với chị T .

Về con chung, tài sản chung và nợ: Anh Đ xác định không có.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Kiều T : Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án đã tổng đạt các văn bản tố tụng cho chị Trang theo quy định pháp luật, nhưng chị T không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của anh Đ .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Chị Nguyễn Kiều T là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án nhân dân huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau triệu tập hợp lệ đến Tòa án để tham gia tố tụng nhưng chị T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị T .

[2] *Về hôn nhân*: Anh Đ với chị T chung sống vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, đến ngày 21/11/2011 đăng ký theo giấy chứng nhận kết hôn số 20/2011 tại Ủy ban nhân dân xã Tân Trung, huyện Đầm Dơi, tỉnh Cà Mau, hôn nhân hợp pháp. Anh Đ yêu cầu ly hôn với chị T với những nguyên nhân sau: Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cự cãi. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình hòa giải, hàn gắn nhưng không thành. Nay, anh Đ xác định không còn tình cảm với chị T nên yêu cầu được ly hôn với chị Trang. Đối với chị T , Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo hòa giải và triệu tập hợp lệ chị T để tham gia hòa giải nhưng chị T vắng mặt không tham gia hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng và không có ý kiến đối với yêu cầu của anh Đ . Ngoài ra, vợ chồng anh chị đã ly thân từ năm 2013 đến nay và cũng không chung sống cùng nhau, mỗi người có cuộc sống riêng, không ai quan tâm ai, nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau...*”. Viện dẫn theo điều luật quy định trên thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa anh Đ với chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đ về việc ly hôn với chị T.

[3] *Về con chung, tài sản chung và nợ*: Anh Đ xác định không có.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm*: Tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định: Trong vụ án ly hôn thì nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Do đó, anh Đ phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 300.000 đồng;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 19, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Đ .

1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Văn Đ ly hôn với chị Nguyễn Kiều T.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Đ phải chịu 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0010065 ngày 16/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi; anh Đ đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Anh Đ có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Thành viên Hội đồng xét xử

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)